

Bản án số: 78/2023/HNGĐ – ST

Ngày: 13-9-2023

V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỘC NINH, TỈNH BÌNH PHƯỚC**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Quyết

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thành Vui

2. Ông Võ Đức Thọ

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Bá Anh Hùng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước.

Ngày 13 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 323/2023/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 8 năm 2023 về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 79/2023/QĐXX-HNGĐ ngày 28 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Ông **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1967 (vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ 7, ấp Việt Tân, xã Lộc Quang, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước.

*** Bị đơn:** Bà **Vũ Thị V**, sinh năm 1968 (vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ 7, ấp Việt Tân, xã Lộc Quang, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn ông Nguyễn Văn T trình bày:**

+ Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn T và bà Vũ Thị V có tự nguyện sống chung với nhau từ năm 1990 nhưng không có đăng ký kết hôn.

Trước khi sống chung có tìm hiểu nhau trong thời gian 03 năm.

Sau khi sống chung vợ chồng sống tự lập tại tổ 7, ấp Việt Tân, xã Lộc Quang, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước.

Vợ chồng sống hạnh phúc đến đầu năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, cuộc sống không hạnh phúc nên vợ chồng sống ly thân từ đầu năm 2016 cho đến nay.

Nay nhận thấy vợ chồng không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa, mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông Nguyễn Văn T làm đơn xin được ly hôn với bà Vũ Thị V.

+ *Về con chung*: Vợ chồng có 02 con chung:

1. Nguyễn Tuấn A, sinh ngày 16/01/1992
2. Nguyễn Thái D, sinh ngày 14/7/1993

Hiện nay hai con tên là Nguyễn Tuấn A, sinh ngày 16/01/1992 và Nguyễn Thái D, sinh ngày 14/7/1993 đã trưởng thành và có cuộc sống riêng.

Khi ly hôn hai con đã trưởng thành nên ông Nguyễn Văn T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vợ chồng không nhận ai làm con nuôi và hiện nay bà Vũ Thị V không mang thai.

+ *Về tài sản chung*: Ông Nguyễn Văn T và bà Vũ Thị V tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ *Về nợ chung*: Ông Nguyễn Văn T và bà Vũ Thị V không có nợ ai và không ai nợ lại nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Theo bản tự khai - bị đơn bà Vũ Thị V trình bày như sau*:

+ *Về quan hệ hôn nhân*: Bà V thống nhất với ông Nguyễn Văn T về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung, quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn. Nay ông T yêu cầu ly hôn với thì bà V đồng ý ly hôn với ông T.

+ *Về con chung*: Bà V và ông T có 02 con chung tên là Nguyễn Tuấn A, sinh ngày 16/01/1992 và Nguyễn Thái D, sinh ngày 14/7/1993. Hiện nay hai con đã trưởng thành nên bà V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ *Về tài sản chung*: Ông Nguyễn Văn T và bà Vũ Thị V tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ *Về nợ chung*: Bà Vũ Thị V khẳng định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn ông Nguyễn Văn T có đơn khởi kiện ly hôn với bà Vũ Thị V tại Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh để giải quyết theo thẩm quyền. Xét thấy bà Vũ Thị V có nơi cư trú tại huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Nguyên đơn, bị đơn có đơn xin vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án. Căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về nội dung:

+ Về quan hệ hôn nhân:

Theo nội dung đơn xin xác nhận của Ủy ban nhân dân xã Lộc Quang, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước cùng văn bản trình bày của các đương sự xác định: Ông Nguyễn Văn T và bà Vũ Thị V tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1990 nhưng không đăng ký kết hôn. Quá trình sống chung, giữa ông Nguyễn Văn T và bà Vũ Thị V có phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau nên ông Nguyễn Văn T và bà Vũ Thị V đã sống ly thân từ năm 2016 cho đến nay.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật hôn và nhân gia đình thì: *“Nam nữ có điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng...”*. Tại khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình quy định: *“Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này....”*.

Như vậy, Ông Nguyễn Văn T và bà Vũ Thị V mặc dù có đủ điều kiện kết hôn nhưng không tiến hành đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Do đó, nay ông Nguyễn Văn T yêu cầu được ly hôn với bà Vũ Thị V thì Tòa án cần tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Nguyễn Văn T và bà Vũ Thị V.

+ Về con chung: Ông Nguyễn Văn T và bà Vũ Thị V có 02 con chung tên là Nguyễn Tuấn A, sinh ngày 16/01/1992 và Nguyễn Thái D, sinh ngày 14/7/1993

Hiện nay hai con đã trưởng thành và các đương sự không yêu cầu gì khác nên Tòa án không xem xét giải quyết.

+ Về tài sản chung: Ông Nguyễn Văn T và bà Vũ Thị V khẳng định tự thỏa thuận và không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

+ Về nợ chung: Ông Nguyễn Văn T và bà Vũ Thị V khẳng định không có nợ ai và không ai nợ lại vợ chồng và không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Căn cứ khoản 4 điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Như vậy, ông T phải chịu số tiền án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Điều 39 Bộ luật dân sự;
- Điều 9, Điều 14, Điều 15, Điều 51, Điều 53, Điều 56 và Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình;
- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T

1/ *Về quan hệ hôn nhân:* Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Nguyễn Văn T và bà Vũ Thị V.

2/ *Về con chung:* Con chung đã trưởng thành và các đương sự không yêu cầu gì khác nên Tòa án không xem xét giải quyết.

3/ *Về tài sản chung:* Ông Nguyễn Văn T và bà Vũ Thị V khẳng định tự thỏa thuận và không có yêu cầu gì khác nên không xem xét giải quyết.

4/ *Về nợ chung:* Ông Nguyễn Văn T và bà Vũ Thị V khẳng định không có nợ ai và không ai nợ lại vợ chồng nên không xem xét giải quyết.

5/ *Về án phí hôn nhân sơ thẩm:* Ông Nguyễn Văn T phải chịu số tiền án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000đồng (*Ba trăm nghìn đồng*), được khấu trừ vào số tiền 300.000đồng tạm ứng án phí ông T đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước theo biên lai thu tiền số: 0010692 ngày 21/8/2023.

6/ *Về quyền kháng cáo:* Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKS huyện Lộc Ninh;
- THADS huyện Lộc Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Văn Quyết